





CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN – PHÚ THỌ



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2020**

Phú Thọ, tháng 10 năm 2020





CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | 30/09/2020 | 01/01/2020 |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 227,695,307,413 | 166,130,985,934 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 145,356,005,462 | 56,780,688,071 |
| 1. Tiền | 111 | | 60,856,005,462 | 3,280,688,071 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 84,500,000,000 | 53,500,000,000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 0 | 0 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 24,648,519,897 | 27,364,063,754 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 17,643,319,725 | 24,851,400,970 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 6,970,200,172 | 2,323,758,675 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4a | 35,000,000 | 188,904,109 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 57,561,151,403 | 60,901,072,344 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.5 | 57,561,151,403 | 60,901,072,344 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 129,630,651 | 21,085,161,765 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.6a | 129,630,651 | 520,867,711 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 0 | 0 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.10 | 0 | 20,564,294,054 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 201,664,164,281 | 228,327,836,657 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 0 | 0 |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.4b | 0 | 0 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 193,288,311,422 | 219,394,533,815 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.7 | 193,288,311,422 | 219,394,533,815 |
| - Nguyên giá | 222 | | 515,063,622,519 | 509,995,048,427 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | -321,775,311,097 | (290,600,514,612) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | 0 | 0 |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 35,680,909 | 0 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | 0 | 0 |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.8 | 35,680,909 | 0 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 0 | 0 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 8,340,171,950 | 8,933,302,842 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.6b | 8,340,171,950 | 8,933,302,842 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 0 | 0 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 429,359,471,694 | 394,458,822,591 |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 193,989,153,619 | 154,600,660,349 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 183,362,565,529 | 137,941,072,259 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.9 | 9,241,903,603 | 12,381,445,874 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 488,163,718 | 186,521,382 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.10 | 84,793,106,561 | 2,788,133,829 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.11 | 894,600,826 | 2,292,249,000 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.12 | 3,746,768,000 | 3,985,812,702 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.13 | 15,719,912,250 | 9,697,978,000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | 30/09/2020 | 01/01/2020 |
|------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.14a | 66,044,000,000 | 103,544,000,000 |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.15 | 2,434,110,571 | 3,064,931,472 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 10,626,588,090 | 16,659,588,090 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.14b | 10,626,588,090 | 16,659,588,090 |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 235,370,318,075 | 239,858,162,242 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.16 | 235,370,318,075 | 239,858,162,242 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 125,000,000,000 | 125,000,000,000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 125,000,000,000 | 125,000,000,000 |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 23,517,055,477 | 23,517,055,477 |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 86,853,262,598 | 91,341,106,765 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 75,664,069,466 | 51,387,973,137 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 11,189,193,132 | 39,953,133,628 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | 0 | 0 |
| Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400) | 440 | | 429,359,471,694 | 394,458,822,591 |

Lập biểu

Đào Thị Huyền

Kế toán trưởng

Trần Bích Thủy



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

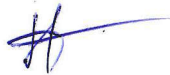
Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2020

| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | | | |
|-------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020 | Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019 | Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020 | Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1 | VI.1 | 112,376,235,699 | 156,241,216,302 | 260,431,201,280 | 436,277,055,377 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 2 | VI.2 | 0 | | | |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02) | 10 | | 112,376,235,699 | 156,241,216,302 | 260,431,201,280 | 436,277,055,377 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 96,818,838,255 | 132,197,874,955 | 236,786,754,500 | 372,065,712,325 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11) | 20 | | 15,557,397,444 | 24,043,341,347 | 23,644,446,780 | 64,211,343,052 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 1,657,324,019 | 304,810,298 | 1,980,688,522 | 480,846,821 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 536,756,043 | 594,794,920 | 1,965,134,577 | 1,868,449,099 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 536,756,043 | 594,794,920 | 1,965,134,577 | 1,868,449,099 |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 1,400,991,777 | 1,437,505,102 | 3,530,024,268 | 4,387,166,725 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 3,515,220,148 | 4,269,732,224 | 8,122,649,422 | 11,240,120,383 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26)} | 30 | | 11,761,753,495 | 18,046,119,399 | 12,007,327,035 | 47,196,453,666 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | | 92,223,161 | 0 | 92,223,161 | 42,534,650 |
| 13. Chi phí khác | 32 | | | 0 | 3,125,189 | 0 |
| 14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 92,223,161 | 0 | 89,097,972 | 42,534,650 |
| 15. Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 11,853,976,656 | 18,046,119,399 | 12,096,425,007 | 47,238,988,316 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | 889,048,248 | 1,353,541,665 | 907,231,875 | 3,543,006,834 |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | 0 | 0 | 0 | 75,750,000 |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52) | 60 | | 10,964,928,408 | 16,692,577,734 | 11,189,193,132 | 43,620,231,482 |
| 20. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát | 62 | | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) | 70 | | 877.19 | 1,335.41 | 895.14 | 3,489.62 |

Lập biểu



Đào Thị Huyền

Kế toán trưởng



Trần Bích Thủy



Phú Thọ, ngày 19 tháng 10 năm 2020

Giám đốc

Bur Văn Thiêng

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2020

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020 | Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019 |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|------------------------------|------------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 1 | | 12,096,425,007 | 47,238,988,316 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 2 | | 31,174,796,485 | 29,744,700,213 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 5 | | (1,980,688,522) | (480,846,821) |
| - Chi phí lãi vay | 6 | | 1,965,134,577 | 1,868,449,099 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 7 | | 0 | 0 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 8 | | 43,255,667,547 | 78,371,290,807 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 9 | | 28,361,834,622 | 23,009,416,768 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 3,339,920,941 | (16,181,133,671) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | 81,157,638,728 | 33,530,580,241 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 726,284,242 | 2,380,781,408 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | 0 | 0 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (2,103,152,671) | (1,930,607,645) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (1,505,627,195) | (2,843,702,268) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 0 | 0 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | -630,820,901 | (4,588,081,000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 152,601,745,313 | 111,748,544,640 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (10,150,570,803) | (18,391,218,227) |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 2,169,592,631 | 480,846,821 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (7,980,978,172) | (17,910,371,406) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 91,956,543,040 | 260,351,021,215 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (135,489,543,040) | (279,368,021,215) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | 0 | 0 |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (12,512,449,750) | (25,576,192,250) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (56,045,449,750) | (44,593,192,250) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40) | 50 | | 88,575,317,391 | 49,244,980,984 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2020

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020 | Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019 |
|---------------------------------------------------------|-------|-------------|------------------------------|------------------------------|
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 56,780,688,071 | 2,396,341,421 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 0 | 0 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61) | 70 | | 145,356,005,462 | 51,641,322,405 |

Phú Thọ, ngày 19 tháng 10 năm 2020

Người lập biểu

Đào Thị Huyền

Kế toán trưởng

Trần Bích Thủy

Giám Đốc

Bùi Văn Thiêng



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600393941 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 05 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp. Đăng ký thay đổi lần 04 ngày 18/05/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp là: 125.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng chẵn).

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Khách sạn;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Sản xuất rượu vang;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động ;
- Sản xuất cồn; Mua bán vật tư nguyên liệu, phụ tùng phục vụ sản xuất kinh doanh ngành bia, rượu, nước giải khát; Cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực: 12 tháng.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

Trong kỳ kế toán, hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2020

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày lập BCTC.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên [hoặc trình bày theo chính sách kế toán của Công ty ví dụ áp dụng theo Chính sách lập dự phòng của Tập đoàn], hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Trong quá trình sử dụng các chi phí nâng cấp, cải tạo, sửa chữa duy tu sẽ được ghi tăng nguyên giá, hoặc ghi vào chi phí sản xuất kinh doanh tùy thuộc vào hiệu quả mà các chi phí này mang lại cho TSCĐ đó theo đúng hướng dẫn về chế độ quản lý và sử dụng TSCĐ hiện hành.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Số phải khấu hao tính theo nguyên giá (hoặc bằng nguyên giá trừ đi chi phí khi thanh lý). Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2020

hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

| | |
|--------------------------|-------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 12-48 năm |
| Máy móc, thiết bị | 03 - 12 năm |
| Phương tiện vận tải | 05 - 12 năm |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 03 - 10 năm |

Công ty tuân thủ nguyên tắc kế toán khi thực hiện kế toán TSCĐHH theo hướng dẫn tại TT 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22/12/2014.

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm, bao bì luân chuyển và các chi phí khác được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa không quá 36 tháng.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả:

- Phải trả người bán gồm: Các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản.;
- Phải trả khác: Là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ;

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Quang Minh.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính.

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Giá trị khoản nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê còn phải trả tại thời điểm lập BCTC.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2020

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ

Khi lập BCTC số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay, thuê tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản chi phí được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày lập BCTC.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu.

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Thặng dư vốn cổ phần là chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phản ánh cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi do Công ty phát hành.

b) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2020

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Khoản giảm trừ doanh thu là khoản chiết khấu thương mại cho khách hàng.

Các khoản giảm trừ doanh thu thuộc kỳ báo cáo được ghi giảm doanh thu trong kỳ, trừ trường hợp phát hiện sai sót sau khi đã phát hành báo cáo sẽ được ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt trên mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, được tính ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ theo nguyên tắc thận trọng.

Trong kỳ các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán bao gồm: Hoàn nhập dự phòng tiền lương phải trả và chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng phản ánh toàn bộ chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa dịch vụ của Công ty như: chi phí chào hàng, quảng cáo, giới thiệu, trưng bày sản phẩm, bảo hành, bảo quản đóng gói, vận chuyển.

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: Chi phí lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty...

Chi phí quản lý được ghi giảm trong kỳ gồm: Hoàn nhập một phần chi phí trích trước kiểm kê và trực ban năm trước.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Hiện tại, Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 15% và được giảm 50% số thuế phải nộp (từ năm 2014 đến năm 2020).

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2020

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

a. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

b. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2020

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 30/09/2020 | 01/01/2020 |
|----------------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Tiền | 60,856,005,462 | 3,280,688,071 |
| Tiền mặt | 791,117,381 | 557,370,056 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 60,064,888,081 | 2,723,318,015 |
| Các khoản tương đương tiền | 84,500,000,000 | 53,500,000,000 |
| Tiền gửi tiết kiệm có thời hạn dưới 03 tháng | 84,500,000,000 | 53,500,000,000 |
| Cộng | 145,356,005,462 | 56,780,688,071 |

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 30/09/2020 | 01/01/2020 |
|------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 17,128,592,800 | 24,851,400,970 |
| Tổng Công ty CP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn | 17,128,592,800 | 24,851,400,970 |
| Công ty TNHH Thương mại Chiều Xuân | 0 | 0 |
| Phải thu các khách hàng khác | 514,726,925 | 0 |
| Phải thu các khách hàng khác | 514,726,925 | 0 |
| Cộng | 17,643,319,725 | 24,851,400,970 |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 30/09/2020 | 01/01/2020 |
|-----------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Công ty TNHH kỹ thuật Huy Khôi | 1,153,871,600 | 0 |
| Công ty Cp quốc tế Thiên Hà Xanh | 300,000,000 | |
| Công ty CP môi trường Toàn Diện | 2,755,560,500 | 580,000,000 |
| Công ty CP đầu tư và tư vấn kỹ thuật 36 | 1,381,430,000 | 967,800,900 |
| Công ty CPCNXD và TM Quốc tế D&T | 481,069,119 | 451,220,275 |
| Các nhà cung cấp khác | 898,268,953 | 324,737,500 |
| Cộng | 6,970,200,172 | 2,323,758,675 |

4. Phải thu khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | 30/09/2020 | 01/01/2020 |
|-----------------------|-------------------|--------------------|
| Tạm ứng | 35,000,000 | 0 |
| Phải thu khác | 0 | |
| Lãi tiền gửi cuối năm | 0 | 188,904,109 |
| Cộng | 35,000,000 | 188,904,109 |

4b. Phải thu dài hạn khác

| | 30/09/2020 | 01/01/2020 |
|-----------------|------------|------------|
| Ký cược, ký quỹ | 0 | 0 |
| Cộng | 0 | 0 |

5. Hàng tồn kho

| | 30/09/2020 | 01/01/2020 |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 22,773,036,696 | 22,768,990,019 |
| Công cụ, dụng cụ | 14,710,455,265 | 13,643,810,655 |
| Chi phí SXKD dở dang | 11,240,271,982 | 13,122,566,185 |
| Thành phẩm | 8,837,387,460 | 11,365,705,485 |
| Cộng | 57,561,151,403 | 60,901,072,344 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2020

6 . Chi phí trả trước**6a . Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | <u>30/09/2020</u> | <u>01/01/2020</u> |
|------------------|---------------------------|---------------------------|
| Sửa chữa | 0 | 370,267,500 |
| chi phí bảo hiểm | 129,630,651 | 150,600,211 |
| Cộng | <u>129,630,651</u> | <u>520,867,711</u> |

6b . Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>30/09/2020</u> | <u>01/01/2020</u> |
|------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền thuê đất | 430,381,080 | 860,762,160 |
| Chi phí sửa chữa | 3,258,445,570 | 4,202,654,974 |
| Cộng cụ dụng cụ | 4,651,345,300 | 3,869,885,708 |
| Cộng | <u>8,340,171,950</u> | <u>8,933,302,842</u> |

7 . Tài sản cố định hữu hình

| | <u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> | <u>Máy móc và thiết bị</u> | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u> | <u>Cộng</u> |
|------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 123,356,238,051 | 376,475,986,847 | 7,946,335,259 | 2,216,488,270 | 509,995,048,427 |
| Mua trong kỳ | 1,625,227,273 | 2,263,345,000 | 0 | 1,180,001,819 | 5,068,574,092 |
| XDCB hoàn thành | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Thanh lý TSCĐ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Số dư cuối kỳ | <u>124,981,465,324</u> | <u>378,739,331,847</u> | <u>7,946,335,259</u> | <u>3,396,490,089</u> | <u>515,063,622,519</u> |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 33,754,984,369 | 249,802,178,809 | 5,862,486,672 | 1,180,864,762 | 290,600,514,612 |
| Khấu hao trong năm | 3,923,359,058 | 26,583,165,127 | 420,285,354 | 247,986,946 | 31,174,796,485 |
| Thanh lý TSCĐ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Số dư cuối kỳ | <u>37,678,343,427</u> | <u>276,385,343,936</u> | <u>6,282,772,026</u> | <u>1,428,851,708</u> | <u>321,775,311,097</u> |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 89,601,253,682 | 126,673,808,038 | 2,083,848,587 | 1,035,623,508 | 219,394,533,815 |
| Số ngày cuối kỳ | <u>87,303,121,897</u> | <u>102,353,987,911</u> | <u>1,663,563,233</u> | <u>1,967,638,381</u> | <u>193,288,311,422</u> |

8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | <u>30/09/2020</u> | <u>1/1/2020</u> |
|-------------------------------|--------------------------|-----------------|
| Hệ thống phòng cháy chữa cháy | 35,680,909 | 0 |
| Lắp đặt 02 tank lên men | 0 | 0 |
| Cộng | <u>35,680,909</u> | <u>0</u> |

9 . Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>30/09/2020</u> | <u>1/1/2020</u> |
|---------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | <u>2,042,044,330</u> | <u>8,273,322,123</u> |
| Tổng công ty CP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn | 2,042,044,330 | 8,273,322,123 |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | <u>7,199,859,273</u> | <u>4,108,123,751</u> |
| Cộng | <u>9,241,903,603</u> | <u>12,381,445,874</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2020

10 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

| | Số phải nộp | | Số đã thực | |
|----------------------------|-------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|
| | 1/1/2020 | trong kỳ | nộp trong kỳ | 30/09/2020 |
| Thuế GTGT | 1,248,848,042 | 29,515,592,550 | 21,277,266,492 | 9,487,174,100 |
| Thuế GTGT hàng NK | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt | (20,564,294,054) | 227,148,205,584 | 131,953,039,965 | 74,630,871,565 |
| Thuế xuất, nhập khẩu | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1,505,627,195 | 907,231,875 | 1,505,627,195 | 907,231,875 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 33,658,592 | 738,403,265 | 1,004,232,836 | (232,170,979) |
| Các loại thuế khác | 0 | 3,000,000 | 3,000,000 | 0 |
| Cộng | (17,776,160,225) | 258,312,433,274 | 155,743,166,488 | 84,793,106,561 |

11 . Phải trả người lao động

| | 30/09/2020 | 01/01/2020 |
|-----------------------------|--------------------|----------------------|
| Tiền lương phải trả cuối kỳ | 894,600,826 | 2,292,249,000 |
| Cộng | 894,600,826 | 2,292,249,000 |

12 . Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 30/09/2020 | 01/01/2020 |
|-----------------------------|----------------------|----------------------|
| Dự phòng chi phí tiền lương | 2,500,000,000 | 2,502,806,608 |
| Chi phí lãi vay phải trả | 0 | 138,018,094 |
| Chi phí sửa chữa | 0 | 0 |
| Các khoản trích trước khác | 1,246,768,000 | 1,344,988,000 |
| Cộng | 3,746,768,000 | 3,985,812,702 |

13 . Phải trả ngắn hạn khác

| | 30/09/2020 | 01/01/2020 |
|-------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Kinh phí công đoàn | 28,981,000 | 31,197,000 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 13,110,700,000 | 7,074,100,000 |
| Cổ tức phải trả | | 2,592,681,000 |
| Phải trả khác | 2,580,231,250 | 0 |
| Cộng | 15,719,912,250 | 9,697,978,000 |

14 . Vay và nợ thuê tài chính

| | 30/09/2020 | 01/01/2020 |
|-----------------------------------------------------|-----------------------|------------------------|
| 14a . Vay ngắn hạn | 66,044,000,000 | 103,544,000,000 |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam _ CN Quang Minh | 58,000,000,000 | 95,500,000,000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 8,044,000,000 | 8,044,000,000 |
| 14b . Vay dài hạn | 10,626,588,090 | 16,659,588,090 |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam _ CN Quang Minh | 10,626,588,090 | 16,659,588,090 |
| Cộng | 76,670,588,090 | 120,203,588,090 |

15 . Quỹ khen thưởng phúc lợi

| | 30/09/2020 | 01/01/2020 |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 1,876,208,857 | 2,508,967,057 |
| Quỹ an sinh xã hội | 557,901,714 | 555,964,415 |
| Cộng | 2,434,110,571 | 3,064,931,472 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2020

16 . Vốn chủ sở hữu**16a . Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|--------------------------------------|---------------------------|--------------------------|-----------------------------------------|------------------|
| Số dư đầu năm trước | 125,000,000,000 | 23,517,055,477 | 81,583,973,137 | 230,101,028,614 |
| Lãi/(lỗ) trong năm trước | 0 | 0 | 61,203,133,628 | 61,203,133,628 |
| Phân phối lợi nhuận năm 2018 | 0 | 0 | (30,196,000,000) | (30,196,000,000) |
| Tạm phân phối lợi nhuận năm 2019 | 0 | 0 | (21,250,000,000) | (21,250,000,000) |
| Số dư cuối năm trước | 125,000,000,000 | 23,517,055,477 | 91,341,106,765 | 239,858,162,242 |
| Lãi/(lỗ) trong kỳ | 0 | 0 | 11,189,193,132 | 11,189,193,132 |
| Phân phối phân lợi nhuận năm 2019 | 0 | 0 | (15,677,037,299) | (15,677,037,299) |
| Tạm phân phối lợi nhuận năm 2020 | | | 0 | 0 |
| Số dư cuối kỳ này | 125,000,000,000 | 23,517,055,477 | 86,853,262,598 | 235,370,318,075 |

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 06 năm 2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

| | Số phân phối theo NQ | Số đã tạm phân phối năm 2019 | Số đã phân phối đến 30/09/2020 |
|-----------------------------------|-------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|
| Trích quỹ an sinh xã hội | 310,037,299 | 0 | 310,037,299 |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | 5,367,000,000 | 2,500,000,000 | 2,867,000,000 |
| Trích chi trả cổ tức | 31,250,000,000 | 18,750,000,000 | 12,500,000,000 |
| Cộng | 36,927,037,299 | 21,250,000,000 | 15,677,037,299 |

16b . Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | 30/09/2020 | 01/01/2020 |
|------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| TCT Cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn | 33,787,500,000 | 33,787,500,000 |
| Công ty CP Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân | 8,530,500,000 | 8,530,500,000 |
| Ông Võ Sỹ Dờng | 10,536,760,000 | 10,536,760,000 |
| Bà Nguyễn Thu Hương | 6,552,660,000 | 6,552,660,000 |
| Ông Nguyễn Quốc Tuấn | 6,250,000,000 | 6,250,000,000 |
| Các cổ đông khác | 59,342,580,000 | 59,342,580,000 |
| Cộng | 125,000,000,000 | 125,000,000,000 |

VI . Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020 | Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019 |
|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Doanh thu bán bia | 111,759,830,279 | 154,920,634,362 |
| Doanh thu khác | 616,405,420 | 1,320,581,940 |
| Cộng | 112,376,235,699 | 156,241,216,302 |

2 . Các khoản giảm trừ doanh thu

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2020

| | Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020 | Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019 |
|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|
| Là khoản chiết khấu thương mại cho các đại lý bia hơi. | 0 | 0 |
| Cộng | 0 | 0 |
| | | |
| 3 . Giá vốn hàng bán | | |
| | Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020 | Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019 |
| Giá vốn thành phẩm đã bán | 96,696,180,865 | 132,000,206,296 |
| Giá vốn hoạt động khác | 122,657,390 | 197,668,659 |
| Cộng | 96,818,838,255 | 132,197,874,955 |
| | | |
| 4 . Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| | Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020 | Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019 |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 1,657,324,019 | 304,810,298 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 0 | 0 |
| Cộng | 1,657,324,019 | 304,810,298 |
| | | |
| 5 . Chi phí tài chính | | |
| | Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020 | Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019 |
| Chi phí lãi vay | 536,756,043 | 594,794,920 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái | 0 | 0 |
| Cộng | 536,756,043 | 594,794,920 |
| | | |
| 6 . Chi phí bán hàng | | |
| | Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020 | Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019 |
| Chi phí vận chuyển | 367,072,272 | 361,444,397 |
| Chi phí trả trước phân bổ | 1,032,290,305 | 1,073,112,004 |
| Chi phí khác | 1,629,200 | 2,948,701 |
| Cộng | 1,400,991,777 | 1,437,505,102 |
| | | |
| 7 . Chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| | Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020 | Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 65,594,455 | 73,188,091 |
| Chi phí nhân công | 2,016,290,000 | 2,628,737,604 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ | 307,006,105 | 532,746,105 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 848,460,672 | 921,956,249 |
| Chi phí khác | 277,868,916 | 113,104,175 |
| Cộng | 3,515,220,148 | 4,269,732,224 |
| | | |
| 8 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố | | |
| | Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020 | Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 79,858,959,928 | 112,515,597,021 |
| Chi phí nhân công | 6,162,240,500 | 7,301,774,274 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ | 11,526,670,920 | 11,697,105,146 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 6,732,173,428 | 8,289,240,496 |
| Chi phí khác | 331,018,116 | 201,416,367 |
| Cộng | 104,611,062,892 | 140,005,133,304 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2020

9. Thông tin các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan.

Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

| ST Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Giá trị giao dịch (không bao gồm thuế GTGT và thuế tiêu thụ đặc biệt) |
|------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 1 Tổng công ty CP Bia Rượu - NGK Sài Gòn | - Mua nguyên vật liệu hàng hóa | 57,743,969,634 |
| | - Doanh thu bán bia, hàng hóa khác | 89,899,281,867 |
| 2 Công ty TNHH Thương mại Chiêu Xuân | - Doanh thu bán bia, hàng hóa khác | 1,089,320,970 |
| 3 Công ty TNHH MTV Sài Gòn- Hà Tĩnh | - Mua dịch vụ | 198,400,000 |
| 4 CN TCTY CP bia, rượu, NGK Sài Gòn- MN bia Sài Gòn Cù Chi | - Mua dịch vụ | 0 |
| 5 Công ty TNHH Tân Hạnh Nguyên | - Mua dịch vụ | 238,478,000 |
| Thu nhập của HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát | | |
| Bên liên quan | | Số tiền |
| 1 Hội đồng quản trị, ban kiểm soát | | 0 |
| 2 Ban giám đốc | | 136,672,000 |

Người lập biểu

Đào Thị Huyền

Kế toán trưởng

Trần Bích Thủy

Phú Thọ, ngày 19 tháng 10 năm 2020



Giám đốc

Bùi Văn Thiêng

